

Số: /KH-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Luật: Phòng, chống thiên tai ngày 16 tháng 6 năm 2013; Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015; Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương;

Căn cứ Kế hoạch số 2336/KH-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 133/TTr-SNN ngày 30 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025, nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I
TÌNH HÌNH CHUNG

I. Đặc điểm về tự nhiên

1. Vị trí địa lý

Phú Thọ là tỉnh trung du miền núi, phía Bắc giáp các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang; phía Nam giáp tỉnh Hoà Bình; phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Phúc và thành phố Hà Nội; phía Tây giáp tỉnh Sơn La. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 353.455,61ha, trong đó: diện tích đất nông nghiệp 296.930ha, đất phi nông nghiệp 53.944,46ha và đất chưa sử dụng 2.581,15ha. Tỉnh có 13 đơn vị hành chính (11 huyện, 01 thành phố và 01 thị xã) và 225 xã, phường, thị trấn¹.

2. Đặc điểm địa hình, địa chất

Điểm nổi bật là địa hình bị chia cắt tương đối mạnh vì nằm cuối dãy Hoàng Liên Sơn, nơi chuyển tiếp giữa miền núi cao và gò đồi, độ cao giảm dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Căn cứ vào địa hình, chia Phú Thọ thành 2 tiểu vùng sau:

¹Niên giám thống kê năm 2019

- Tiểu vùng miền núi: Gồm các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, và một phần của huyện Cẩm Khê, Hạ Hòa có diện tích tự nhiên khoảng 182.475,82ha; có độ cao trung bình so với mặt nước biển từ (200 - 500)m.

- Tiểu vùng trung du, đồng bằng: Gồm thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện Lâm Thao, Phù Ninh, Thanh Thủy, Đoan Hùng, Tam Nông và phần còn lại của huyện Cẩm Khê, Hạ Hòa. Diện tích tự nhiên khoảng 170.979,79ha, có độ cao trung bình so với mực nước biển từ (50- 200)m.

3. Đặc điểm khí tượng thủy văn

3.1. Đặc điểm khí tượng

Phú Thọ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, 1 năm có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 tới tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 tới tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm $(22 - 23)^{\circ}\text{C}$, lượng mưa trung bình (1.500 - 1.800)mm, độ ẩm bình quân (85 - 87)%; mưa lớn tập trung chủ yếu vào các tháng 7, 8, 9, 10.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm của tỉnh Phú Thọ là $(15 - 23)^{\circ}\text{C}$. Tháng có nhiệt độ cao nhất thường rơi vào tháng 5, nhiệt độ cao quan trắc được tại trạm Phú Hộ và trạm Việt Trì ngày 03/5/1994 là $41,2^{\circ}\text{C}$. Tháng có nhiệt độ thấp nhất thường vào tháng 01 và tháng 12 hàng năm với nhiệt độ thấp nhất quan trắc được tại trạm Minh Đài là $0,5^{\circ}\text{C}$ vào ngày 31/12/1975.

- Độ ẩm tương đối của không khí: Nhiều năm qua dao động từ (83-86)%. Độ ẩm thấp nhất quan trắc được tại trạm Phú Hộ là 71% (tháng 12/1987). Độ ẩm cao nhất quan trắc được tại trạm Việt Trì là 94% (tháng 1/1991).

- Năng: Số giờ nắng trung bình nhiều năm của tỉnh khoảng 1.458 giờ. Tháng có số giờ nắng nhiều nhất thường tập trung vào tháng 5 đến tháng 9. Tháng có số giờ nắng lớn nhất quan trắc được là tháng 8 tại trạm Phú Hộ là 185,2 giờ, tại trạm Việt Trì là 186,4 giờ. Tháng ít nắng nhất là tháng 01, 02 và tháng 3.

- Chế độ gió: Có hai hướng gió chính theo mùa: Mùa mưa có gió mùa Tây Nam và Nam; mùa khô có gió mùa Đông Bắc. Tốc độ gió thường không lớn, tốc độ gió trung bình năm vào khoảng (0,9 - 1,6)m/s. Tốc độ gió lớn nhất đã quan trắc được trên lưu vực sông Thao đạt trên 40m/s và đó là tốc độ của những cơn lốc kèm theo mưa cục bộ. Trong tháng 7, 8 là những tháng có bão lớn ở Bắc Bộ thì tốc độ gió mạnh nhất ở nhiều nơi trong lưu vực chỉ từ 20-35m/s.

- Bốc hơi: Tổng lượng bốc hơi trung bình năm tại Phú Thọ khoảng 787mm. Lượng bốc hơi lớn nhất quan trắc được tại trạm Việt Trì là 158,4mm (tháng 5/1969). Lượng bốc hơi nhỏ nhất tại trạm Minh Đài là 18,4mm (tháng 01/1985).

- Mưa: Lượng mưa năm trung bình nhiều năm trên vùng nghiên cứu biến đổi từ (1.594-1.946)mm. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10, có năm vào tháng 11. Trong năm phân bố mưa tháng không đều tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm (86-87)% tổng lượng mưa năm còn lại là mùa khô. Vào các tháng giữa mùa mưa 7, 8, 9 lượng mưa lên tới trên 300mm, ngược lại các tháng mùa khô như tháng 12, tháng 01 lượng mưa chỉ đạt trên 10mm.

3.2. Đặc điểm thủy văn

Trên lưu vực thuộc hệ thống sông Hồng ở Phú Thọ và vùng lân cận có 10 trạm đo dòng chảy và mực nước. Hầu hết là các trạm thủy văn nằm trên dòng chính các

sông Đà, Thao, Lô. Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ chỉ có duy nhất 1 trạm thủy văn trên sông nhánh là trạm Thanh Sơn trên sông Bứa với diện tích lưu vực 1.190 km².

- Dòng chảy năm và phân phối dòng chảy: Mô đyun dòng chảy năm của sông Thao tính đến Lào Cai là 12,8l/s.km², đến Yên Bái là 15,5 l/s.km², đến Việt Trì 16,4l/s.km². Hệ số biến động dòng chảy năm tại các vị trí trạm đo thủy văn trên các sông chảy qua tỉnh biến động không lớn lắm: $C_v=(0,11-0,29)$. Biến động mạnh nhất là trạm dòng chảy tại trạm Thanh Sơn trên sông Bứa $C_v=0,294$ và ít biến động nhất là dòng chảy trên sông Đà tại trạm thủy văn Hòa Bình $C_v=0,11$.

- Dòng chảy lũ: Qmax sông Lô tại Vụ Quang 14.000m³/s vào tháng 8/1971, sông Thao tại Yên Bái 10.350m³/s vào tháng 8/1971, sông Đà tại Hòa Bình 22.700m³/s vào tháng 8/1996.

- Nguyên nhân hình thành dòng chảy lũ:

Mưa cường độ lớn kéo dài nhiều ngày là nguyên nhân chính gây nên lũ trên các sông suối. Các đặc trưng của mưa sinh lũ như cường độ mưa, tâm mưa, phân bố mưa là các yếu tố quyết định đến độ lớn nhỏ của dòng chảy lũ.

Mưa sinh lũ trên lưu vực các sông suối chảy qua tỉnh được hình thành do các nguyên nhân sau: từ tháng 5 đến tháng 6 áp thấp nóng Ấn Miến di chuyển dần từ phía Tây sang phía Đông và xâm nhập vào lưu vực gây nên những trận mưa dông có cường độ lớn nhưng chỉ kéo dài vài ba ngày tạo ra những cơn lũ nhỏ lên xuống nhanh. Sang tháng 7 và tháng 8 dải hội tụ giữa gió tín phong Bắc bán cầu và gió mùa Tây Nam là vùng ranh giới giữa khối không khí xích đạo dọc đường hội tụ phát sinh ra những trận xoáy thuận có khi phát triển lên thành bão. Những xoáy này gây ra những đợt mưa lớn, kéo dài khoảng (5 - 10) ngày liên tiếp trên diện rộng.

- Biến đổi dòng chảy lũ: Lũ các sông suối trong tỉnh cũng như chảy qua địa bàn tỉnh cũng như lũ ở các tỉnh miền núi khác ở Bắc Bộ, nước tập trung nhanh, lên xuống đột ngột, đường quá trình lũ có dạng răng cưa. Nguyên nhân gây nên lũ đã nêu như ở trên. Những trận lũ do mưa đầu mùa mưa hoặc mưa lũ muộn gây ra là lũ sớm hoặc lũ muộn thường có đỉnh nhọn. Lũ do sự phối hợp nhiều hình thế thời tiết gây ra mưa lớn thường là lũ chính vụ, hay xảy ra vào tháng 7, tháng 8, đường quá trình lũ thường có nhiều ngọn kế tiếp nhau hình răng cưa.

- Dòng chảy kiệt: Mùa kiệt các sông suối chảy qua tỉnh không bắt đầu đồng nhất. Mùa kiệt trên sông Thao bắt đầu từ tháng XI đến hết tháng V năm sau còn trên sông Lô và sông Đà mùa kiệt bắt đầu muộn hơn 1 tháng từ tháng XII đến tháng V năm sau.

Dòng chảy kiệt nhất các sông suối trong tỉnh thường xuất hiện vào tháng III và tháng IV. Mô số trung bình dòng chảy tháng kiệt nhất trên các sông lớn trong tỉnh biến đổi từ (4,5 - 8,0) l/s.km². Dòng chảy tháng kiệt nhất trên sông Thao tại trạm thủy văn Yên Bái 2,94 l/s.km² (tháng 3/1980), trên sông Lô tại trạm Vụ Quang là 4,61 l/s.km² (tháng 3/1980), trên sông Đà tại trạm thủy văn Hòa Bình là 4,27 l/s.km² (tháng 4/1958).

Dòng chảy ngày kiệt nhất thường rơi vào những tháng có dòng chảy kiệt nhất. Một số dòng chảy ngày kiệt nhất quan trắc được trên sông Thao tại trạm thủy văn Yên Bái biến đổi từ (5,25 - 1,88) l/s.km². Trên sông Lô tại trạm Vụ Quang biến đổi từ (9,35 - 3,40) l/s.km². Trên sông Đà tại trạm thủy văn Hòa Bình mô số dòng chảy ngày kiệt nhất biến đổi từ (11,2 - 2,02) l/s.km².

- Dòng chảy bùn cát: Bùn cát trong sông được sinh ra do tác động tương hỗ giữa dòng nước và bề mặt lưu vực. Lượng bùn cát trong sông có quan hệ mật thiết với độ dốc lưu vực, tình hình mặt đệm, ở đây chủ yếu là lớp phủ thực vật trên bề mặt lưu vực. Đặc biệt những năm gần đây dòng chảy bùn cát không còn mang tính tự nhiên nữa, do có tác động của con người như việc chặt phá rừng, làm rẫy phát nương, xây dựng các hồ chứa thượng nguồn, làm thay đổi tình hình mặt đệm.

Ở sông Thao và sông Đà có độ dốc lũng sông, mặt lưu vực rất lớn, đất bị phong hóa hóa học và nhiệt độ rất mạnh mẽ và sâu thành đất Feralitic rộng khắp, khi gặp mưa cường độ lớn dài ngày, đất bị xói mòn càng nghiêm trọng. Ở sông Lô có độ dốc thung lũng nhỏ hơn, tỷ lệ diện tích đá vôi và sa diệp thạch lớn hơn, độ ẩm từ dãy Hoàng Liên Sơn trở về phía đông lưu vực duy trì ở mức cao gần như quanh năm. Rừng che phủ có bị chặt phá nhưng đã được hồi phục nhanh hơn nên độ đục phù sa và tổng lượng phù sa của sông Lô nhỏ hơn sông Thao và sông Đà.

Sông Đà ở Hòa Bình đạt $62,04.10^6$ tấn/năm; Sông Thao ở Yên Bái đạt $47,79.10^6$ tấn/năm; Sông Lô ở Phú Ninh đạt $8,3.10^6$ tấn/năm.

4. Đặc điểm sông ngòi

- Sông Thao: Là dòng chính của sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc, có diện tích lưu vực tính đến Việt Trì là 51.800 km^2 với chiều dài là 902 km (chảy qua Phú Thọ chiều dài 109,5km). Độ cao bình quân lưu vực là 647 m, độ dốc bình quân lưu vực là 29,9%. Các sông nhánh của sông Thao bao gồm: Ngòi Vần ($1,5 \text{ km}^2$), Ngòi Lao ($650,0 \text{ km}^2$), Ngòi Giành ($293,0 \text{ km}^2$), Ngòi Me ($142,0 \text{ km}^2$), ngòi Cỏ ($93,0 \text{ km}^2$), Sông Bứa ($1.370,0 \text{ km}^2$), Ngòi Mạn Lạn ($158,0 \text{ km}^2$).

- Sông Lô: Phát nguồn từ Trung Quốc, vào Việt Nam nhập vào sông Hồng ở Việt Trì, dài 470 km (phần Việt Nam 275 km), diện tích lưu vực là 39.000 km^2 (Việt Nam 22.600 km^2).

- Sông Đà: Là phụ lưu lớn nhất thuộc hệ thống sông Hồng. Lưu vực sông Đà nằm trong địa phận đất đai của 3 nước Trung Quốc, Lào và Việt Nam với tổng diện tích lưu vực 52.900 km^2 (Việt Nam là 26.800 km^2).

- Sông Chảy: Là nhánh lớn của sông Lô, dài 319km, diện tích lưu vực 6.500 km^2 (ở Việt Nam 4.580 km^2).

- Sông Bứa: Nằm gần trọn trong tỉnh Phú Thọ và chảy qua địa bàn huyện Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông chỉ có phần nhỏ thượng nguồn nằm trong địa phận tỉnh Sơn La. Sông Bứa có tổng diện tích là 1.370 km^2 , chiều dài sông là 73,5km.

Ngoài ra, trên tỉnh Phú Thọ còn có rất nhiều sông suối với mật độ trung bình của các sông suối nhỏ từ 0,5 đến $1,5 \text{ km/km}^2$.

II. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

1. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội

1.1. Về dân sinh: Tỉnh Phú Thọ có khoảng 1.481.900 người, mật độ dân số khoảng $414,9 \text{ người/km}^2$, trong đó nam chiếm là 50,4%, nữ chiếm là 49,6%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 13,8%. Toàn tỉnh có 21 dân tộc sinh sống, trong đó người kinh chiếm đa số, còn lại là các dân tộc: Mường, Dao, Sán chày, Cao Lan, Mông.... Dân số thành thị bao gồm khoảng 281.561 người, chiếm 19%; dân số nông thôn là 1.200.339 người, chiếm 81%.

1.2. Về kinh tế - xã hội

- Năm 2020 mức tăng trưởng kinh tế đạt 3,56% so với năm 2019; trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,21%; khu vực dịch vụ tăng 4,41%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,98%. Cơ cấu kinh tế đã có sự dịch chuyển theo hướng tích cực, giảm nhẹ tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và khu vực dịch vụ, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng, cụ thể: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 24,15%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm tỷ trọng 35,66%; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 40,19%. Vốn đầu tư toàn xã hội trong năm ước đạt 30.806,6 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư của dân cư và tư nhân ước đạt 18.752,1 tỷ đồng, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 5.853,6 tỷ đồng, vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước ước đạt 4.006,7 tỷ đồng, còn lại là vốn đầu tư khác. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực cụ thể như sau: Tổng sản lượng hạt lương thực toàn tỉnh đạt 429,4 nghìn tấn, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 181,3 nghìn tấn; một số sản phẩm công nghiệp như chè đạt 53,17 nghìn tấn, bia các loại 71,77 triệu lít, xi măng đạt 1.472 nghìn tấn...; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 36.721,2 tỷ đồng.

- Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế ước tính 851,1 nghìn người, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 45,1%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 28,7%; khu vực dịch vụ chiếm 26,2%. Tỷ lệ lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế đã qua đào tạo đạt 28%; số lao động có việc làm tăng thêm ước đạt 15.038 người; số lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp ước đạt 8.511 người, tăng 23%. Đời sống của người dân nhìn chung ổn định và được cải thiện, các chính sách đầu tư, an sinh xã hội tiếp tục được tăng cường. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đến hết năm 2020 là 5,57%. Công tác đào tạo nghề, tạo việc làm được chú trọng, các chương trình đào tạo về cơ bản phù hợp với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong từng ngành, lĩnh vực.

2. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

2.1. Hệ thống công trình thủy lợi

- Hệ thống đê điều hiện có: 508,7 km đê các loại, trong đó đê cấp I đến cấp V có 21 tuyến tổng chiều dài 421,5 km; 23 tuyến đê bao ngăn lũ nội đồng, tổng chiều dài 54,8 km; 11 tuyến đê bồi, tổng chiều dài 32,4 km. Có 461 cống dưới đê, trong đó 382 cống dưới đê chính và 79 cống dưới đê bao, đê bồi. Có 93 tuyến kè (hộ chân, lát mái) tổng chiều dài 124,77 km và 01 hệ thống kè mỏ hàn Lê Tính; có 33 điểm canh đê phục vụ công tác phòng chống lụt bão.

- Các tuyến đê kết hợp giao thông: Nhiều đoạn đường thuộc Quốc lộ, đường tỉnh được xây dựng kết hợp với đê như: Tuyến đê tả Thao có Quốc lộ 32C đi dọc hành lang từ K100-K103, đoạn từ K0-K1,5, K8,5-K43,9; K61,5-K98,6 đê tả Thao kết hợp Quốc lộ 2D; tuyến đê hữu Thao đoạn tương ứng từ K0-K49 đi chung Quốc lộ 32C, đoạn từ K71-K78 có Quốc lộ 32 đi dọc hành lang chân đê, đoạn K49-K69 kết hợp đường tỉnh 315 và đi theo hành lang đê; đê hữu ngòi Lao kết hợp đường tỉnh 321; đoạn từ K0-K2,3 đê tả Lao kết hợp Quốc lộ 70B; đê tả sông Búra kết hợp đường tỉnh 313C; đê tả Đà từ K10A-K23,5 kết hợp đường tỉnh 317, từ K24,8-K33 kết hợp đường tỉnh 316; đê hữu Lô từ K9-K63,5, đê hữu Chảy từ K0-K14,7 kết hợp đường tỉnh 323; đê tả sông Chảy từ K0-K18,1 kết hợp đường tỉnh 322; đê tả Lô từ K0-K12,7 đi trùng đường tỉnh 323I.

- Toàn tỉnh hiện có 432 hồ chứa, 1.158 đập dâng, trong đó có 14 hồ chứa lớn, 02 đập dâng phục vụ 02 đơn vị cấp huyện; 58 hồ chứa vừa, 10 đập dâng vừa; 360 hồ chứa, 1.146 đập dâng là công trình thủy lợi nhỏ. Trong tổng số 365 đập, hồ chứa quản lý theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP, hiện có 134 công trình đập, hồ chứa bị hư hỏng; trong đó, 11 công trình bị hư hỏng nặng cần sửa chữa khẩn cấp, 31 công trình cần phải cải tạo nâng cấp sớm.

- Trạm bơm: hiện có 299 trạm bơm tưới và tiêu kết hợp, trong đó có 07 công trình trạm bơm lớn, 03 trạm bơm phục vụ 02 đơn vị cấp huyện; 24 trạm bơm là công trình thủy lợi vừa, 265 trạm bơm nhỏ.

- Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có 679 công trình thủy lợi tạm và 5.065 km kênh mương (kênh đất khoảng 2.710 km chiếm 53,3%); hàng năm lũ lụt gây sạt lở, bồi lấp kênh mương, ảnh hưởng nhiều đến công tác phục vụ sản xuất.

2.2. Hệ thống công trình giao thông

- Giao thông đường sắt: Trên địa bàn tỉnh có một tuyến đường sắt thuộc mạng đường sắt quốc gia Hà Nội - Lào Cai đi qua thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Lâm Thao, Thanh Ba, Hạ Hòa. Ngoài ra, có 03 tuyến nhánh phục vụ cho các khu công nghiệp, nhà máy với tổng chiều dài 89,5 km, thuận tiện cho việc lưu thông hàng hóa và hành khách trong, cũng như ngoài tỉnh.

- Giao thông đường bộ: Toàn tỉnh có 06 tuyến đường Quốc lộ chạy qua bao gồm: Quốc lộ 2, 2D, 32, 32B, 32C, 70, 70B; đặc biệt có tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai với 05 nút giao trên địa bàn tỉnh. Các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ cũng thường xuyên được duy tu, cải tạo, nâng cấp đảm bảo nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế- xã hội, đồng thời cũng phục vụ đắc lực cho công tác phòng, chống thiên tai.

- Giao thông thủy: Tỉnh Phú Thọ có hệ thống 3 sông lớn là sông Đà, sông Lô, sông Hồng; cùng hệ thống các sông, ngòi nhỏ rất thuận lợi cho việc phát triển giao thông thủy.

Tuy nhiên hiện nay tại các huyện Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập vẫn còn một số tuyến đường, ngầm, tràn cắt ngang qua sông, suối, ngòi, các trục tiêu chưa được thông thoáng, làm cản trở dòng chảy lũ, gây úng ngập và kéo dài thời gian ngập và chia cắt khi có mưa lũ.

2.3. Về Y tế: Toàn tỉnh có 639 cơ sở y tế, khám chữa bệnh trong đó có 8 bệnh viện, 225 trạm y tế xã, phường, 354 cơ sở y tế khác với tổng số 7.635 giường bệnh, 6.630 y, bác sĩ và kỹ thuật viên phục vụ trong ngành y tế (trong đó có 1.766 bác sĩ tại các cơ sở y tế), 1.704 dược sĩ và các kỹ thuật viên trong ngành dược.

2.4. Về trường học: Toàn tỉnh hiện có 325 nhà trẻ, trường mầm non, mẫu giáo, bao gồm 3.605 phòng học, 7.210 giáo viên và khoảng trên 95.000 học sinh; 293 trường tiểu học với 4.639 phòng học, 5.971 giáo viên; 249 trường Trung học cơ sở với 2.546 phòng học, 5.047 giáo viên; 44 trường Trung học phổ thông với 975 phòng học, 2.104 giáo viên; 03 trường trung cấp chuyên nghiệp; 10 trường cao đẳng; 02 trường đại học.

2.5. Nhà ở, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Tỉnh Phú Thọ có 1 thành phố, 1 thị xã và 11 thị trấn, tỉ lệ đô thị hóa ở các vùng ngày càng được gia tăng; kéo theo là sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp.

2.6. Hệ thống thông tin cảnh báo: Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn cơ bản phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh gồm:

- Quan trắc lượng mưa thực, gồm: 07 trạm đo mưa cơ bản thuộc mạng lưới trạm khí tượng quốc gia và 35 trạm đo mưa tự động (15 trạm do tỉnh quản lý, 11 trạm do Đài Khí tượng thủy văn Khu vực Việt Bắc quản lý, 9 trạm đo mưa tự động tại các Xã nghiệp thủy nông); 01 trạm đo lượng mưa thủ công tại La Phù huyện Thanh Thủy.

- Hệ thống quan trắc, theo dõi dòng chảy, gồm: 04 trạm thủy văn thuộc mạng lưới trạm thủy văn quốc gia (trạm Phú Thọ, Vụ Quang, Việt Trì, Thanh Sơn); 03 trạm đo mực nước do tỉnh quản lý (trạm La Phù trên sông Đà, Ấm Thượng trên sông Thao, An Đạo trên sông Lô); 02 hệ thống camera theo dõi mực nước (trên sông Bứa tại trạm Thanh Sơn, trên sông Thao tại trạm Ấm Thượng); kết nối 03 camera của Vụ Quản lý đề điều - Tổng cục Phòng chống thiên tai theo dõi trên sông Lô, ngã 3 sông Thao sông Đà, ngã 3 sông Thao sông Lô.

2.7. Điện lưới: Sử dụng điện lưới Quốc gia với 100% các xã, phường, thị trấn có điện lưới sử dụng. Hệ thống điện đang vận hành an toàn, bảo đảm cung cấp điện ổn định; tuy nhiên, cần quan tâm bảo trì, nâng cấp hệ thống điện để bảo đảm vận hành an toàn trong mùa mưa, lũ.

2.8. Hệ thống thông tin truyền thông: Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng để đảm bảo công tác thông tin liên lạc đảm bảo phủ 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, hệ thống viễn thông và mạng Internet triển khai rộng khắp với công nghệ FTTH (FTTx), truy nhập Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến tận thuê bao. Mạng Bưu chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục đảm bảo cung cấp các dịch vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu về chuyển phát thư, báo, các loại công văn giấy tờ, bưu phẩm, bưu kiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân; toàn tỉnh hiện có 280 điểm phục vụ, đáp ứng được mỗi xã phường 01 điểm phục vụ. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, Đài truyền thanh cơ sở thực hiện tốt công tác phổ biến các kiến thức về tình hình diễn biến thiên tai bất thường, biến đổi khí hậu để tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai đến người dân; phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, gương điển hình trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2.9. Cấp nước: Đến năm 2020, hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh bao gồm cấp nước sinh hoạt nông thôn và cấp nước đô thị đang ngày càng được đầu tư, hoàn thiện về hệ thống để đảm bảo cho người dân có được nguồn nước hợp vệ sinh, nhất là khi có thiên tai xảy ra, đặc biệt tại các thôn/bản ở vùng sâu, vùng xa, cụ thể:

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 133 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được đưa vào sử dụng gồm 36 công trình cấp nước bằng bơm dẫn, 97 công trình cấp nước tự chảy; trong đó có 37 công trình hoạt động bình thường, 67 công trình hoạt động kém, 29 công trình ngừng hoạt động. Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn quy mô lớn đang hoạt động trên địa bàn các huyện, thành, thị hiện có 23 công trình. Mô hình quản lý, vận hành các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh bao gồm 16 công trình do doanh nghiệp và tư nhân quản lý; 22 công trình Ủy ban nhân dân cấp xã và Hợp tác xã quản lý và 95 công trình cộng đồng quản lý.

Trong tổng số 133 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được đưa vào sử dụng; theo rà soát, thống kê các công trình cấp nước hiện khó khăn về nguồn cấp bao gồm 35 công trình, thuộc địa bàn các huyện Cẩm Khê, Tân Sơn, Hạ Hòa, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Yên Lập và Đoan Hùng; nguyên nhân do các công trình hầu hết đều là công trình nhỏ, manh mún và đã xuống cấp, các suối nhỏ, mực nước sông hạ thấp nên rất khó khăn trong việc khai thác nguồn nước.

- Đối với cấp nước đô thị, trên địa bàn tỉnh hiện nay 100% các đô thị, khu công nghiệp đều có hệ thống cấp nước sạch; tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch trung bình đạt 92,1%, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch giảm dưới 15%.

Trên địa bàn hiện nay có 03 doanh nghiệp cung cấp nước sạch là Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ với 14 hệ thống cấp nước, 12 khu xử lý; Công ty cổ phần cấp nước Đoan Hùng với 01 khu xử lý, 01 hệ thống cấp nước cho khu vực thị trấn, cùng một số xã lân cận thuộc huyện Đoan Hùng và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Khánh Linh quản lý, vận hành hệ thống cấp nước vùng Phương Xá, huyện Cẩm Khê.

PHẦN II

TÌNH HÌNH THIÊN TAI VÀ HIỆN TRẠNG VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Tình hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

1. Xác định loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh

Trong những năm gần đây, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh diễn biến ngày càng phức tạp và có chiều hướng gia tăng, thiệt hại do thiên tai năm sau cao hơn năm trước. Các loại hình thiên tai chủ yếu thường xảy ra là: đông, lụt, sét, mưa đá, nắng nóng, rét đậm, rét hại, mưa lớn, ảnh hưởng của hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới gây lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt. Trong giai đoạn 2016-2020 tình hình thiên tai diễn ra trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

1.1. Tình hình thiên tai

a. Mưa và mưa lớn diện rộng: Từ năm 2016-2020, lượng mưa trung bình trên địa bàn tỉnh giao động từ 1.000 đến 2.000mm; đặc biệt là năm 2017 và 2018 lượng mưa đo được nhiều nơi trên 2.000mm, trong đó lượng mưa lớn nhất đo được tại La Phù (Thanh Thủy) năm 2017 là 2.447mm.

Một số đợt mưa lớn trong giai đoạn trên như: Đợt mưa từ ngày 19 đến 21/7/2018 do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 3, tổng lượng mưa trên toàn tỉnh phổ biến từ 100-250mm, riêng tại trạm Minh Đài là 420mm, trạm Xuân Đài là 513mm đã gây ngập lụt nhiều nơi trên địa bàn tỉnh; đợt mưa từ ngày 10-13/10/2017, lượng mưa phổ biến từ 100-150mm, cá biệt tại trạm Minh Đài là 321mm; đợt mưa lớn từ ngày 26/9 đến ngày 27/9/2020 tại một số trạm như Hanh Cù (Thanh Ba) 379,2mm; Đồng Xuân (Thanh Ba) 197,8mm; Tiên Lương (Cẩm Khê) 257,2mm.

b. Bão và áp thấp nhiệt đới: Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng của 14 hoàn lưu bão và 03 áp thấp nhiệt đới (Năm 2016 là 03 hoàn lưu bão; năm 2017 là 04 hoàn lưu bão, 02 áp thấp nhiệt đới; năm 2018 là 02 hoàn lưu bão, 01 áp thấp nhiệt đới; năm 2019 là 03 hoàn lưu bão; năm 2020 là 02 hoàn lưu bão).

c. Về Lũ sông: Trong giai đoạn này đã xuất hiện 24 đợt lũ trên sông Thao vượt mức báo động; trong đó đỉnh lũ cao nhất tại Ấm Thượng năm 2018 đạt +27,10m (trên BĐIII là 1,1m), cụ thể: Năm 2016 có 3 đợt lũ; năm 2017 có 11 đợt lũ; năm 2018 có 05 đợt lũ; năm 2019 có 02 đợt lũ; năm 2020 có 03 đợt lũ.

03 đợt lũ trên sông Búra; trong đó, năm 2020 có 2 đợt lũ nhỏ trên báo động I; năm 2018: +29,58m (trên mực nước lũ lịch sử năm 1975: 1,35m). 01 đợt lũ trên sông Đà vào năm 2017 tại La Phù: +16,25m>BĐI: 0,25m ngày 11/10.

d. Rét đậm, rét hại: Từ năm 2016-2020 trên địa bàn tỉnh đã có 25 đợt rét đậm, rét hại, nền nhiệt thấp nhất đo được tại Minh Đài $5,3^{\circ}\text{C}$ vào ngày 20/12/2017, cụ thể: Năm 2016: 07 đợt; năm 2017: 04 đợt; năm 2018: 05 đợt; năm 2019: 03 đợt; năm 2020: 06 đợt.

e. Nắng nóng: Từ năm 2016-2020 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 35 đợt nắng nóng, nhiệt độ cao nhất đo được cao nhất tại Việt Trì đạt $41,4^{\circ}\text{C}$ ngày 5/6/2017, vượt mức lịch sử $41,2^{\circ}\text{C}$ năm 1994, cụ thể: Năm 2016: 04 đợt; năm 2017: 03 đợt; năm 2018: 05 đợt; năm 2019: 10 đợt; năm 2020: 13 đợt.

1.2. Thống kê thiệt hại

Trong giai đoạn 2016-2020, thiên tai gây thiệt hại trên địa bàn tỉnh: Làm 10 người chết, 01 người mất tích, 47 người bị thương; sập đổ, hư hỏng nặng 258 ngôi nhà, hư hỏng, tốc mái 12.612 ngôi nhà, ngập 6.208 nhà, di dời khẩn cấp 3.940 hộ dân; 206 điểm trường, 531 phòng học; 36 cơ sở y tế, 111 công trình văn hóa, 02 di tích lịch sử, 21 trụ sở cơ quan; bị ngập, đổ 10.061,5ha lúa, 5.275,8ha hoa màu, hư hỏng 837 tấn lương thực; đổ gãy 759ha cây trồng lâu năm, 1.074,1ha cây trồng hàng năm, 576,5ha cây ăn quả tập trung; làm chết 6.288 con gia súc, 168.298 con gia cầm; đổ 15.104m tường rào; đổ gãy, hư hỏng 808 cột điện, 14 trạm biến thế, 24 cột thông tin; sập đổ, hư hỏng 53 cầu, tràn giao thông, 74.133m đường giao thông, 187.880m³ đất đá đường giao thông; vỡ 50m đê, sạt lở 17.140m đê cấp III và cấp IV, đê bao, đê bồi, 595 công trình thủy lợi, 42 đập thủy lợi, 4 trạm bơm, làm sạt lở, hư hỏng 45.510m kênh mương, hư hỏng 25 cống tiêu, sạt lở, hư hỏng 325m kè, 10.646m bờ vỡ sông; tràn vỡ 3.893,9ha ao cá, 939 lồng bè và nhiều thiệt hại khác. Tổng giá trị thiệt hại ước tính 1.097,9 tỷ đồng.

2. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

- Cấp độ rủi ro thiên tai các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh:

+ Bão, áp thấp nhiệt đới: Cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 3 đến cấp 5.

+ Mưa lớn: cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 4, tùy thuộc vào thời gian mưa (số ngày) và lượng mưa.

+ Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 - cấp 3, tùy thuộc vào thời gian mưa (số ngày) và lượng mưa thuộc khu vực 3.

+ Lũ, ngập lụt: cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 3, thuộc các trạm thủy văn khu vực 1 và khu vực 3.

+ Nắng nóng: Cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 4.

(Cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

- Trước các tác động của biến đổi khí hậu, diễn biến thiên tai trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng ngày càng phức tạp, diễn biến bất thường và có xu hướng cực đoan hơn. Ảnh hưởng của thiên tai đang có chiều hướng tăng lên cả về cường độ, số lượng và mức độ nguy hiểm. Trong những năm qua, trên địa bàn tỉnh thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại thiên tai như mưa đá, lốc xoáy, dông sét, hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới gây mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán,... gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đe dọa đến tính mạng và nguy cơ mất an toàn cho các công trình cơ sở hạ tầng.

- Mùa mưa xảy ra những trận mưa lớn cục bộ, kèm theo mưa đá, gió lốc mạnh trên diện rộng, thiệt hại do sét gây ra cũng gia tăng về số vụ. Lũ lớn trên các sông suối, ngập lụt, lũ quét cục bộ trên các lưu vực tần suất gia tăng, xảy ra bất thường và khó lường gây thiệt hại nghiêm trọng. Sạt lở đất xu thế gia tăng tại nhiều điểm, khu vực, đặc biệt là các tuyến đường giao thông, bờ sông suối...

- Tập quán và điều kiện sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thường chọn gần nguồn nước, canh tác ven sông suối, các sườn núi, sườn đồi là những khu vực này thường hay bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra như: lũ quét, sạt lở và ngập lụt.

- Đời sống nhân dân một số nơi trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn, yếu và thiếu về khả năng tự phòng vệ, điều kiện phương tiện, trang thiết bị, công cụ, ý thức về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai còn hạn chế. Công tác cảnh báo, thông tin, tuyên truyền còn rất nhiều khó khăn, đặc biệt là từ cấp cơ sở đến các hộ gia đình và người dân. Một số địa phương còn chủ quan với diễn biến thiên tai.

- Trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, dân cư và sản xuất làm ngăn cản dòng chảy tự nhiên. Bên cạnh đó việc khai thác rừng, tài nguyên, khoáng sản ảnh hưởng đến cân bằng sinh thái, thảm phủ thực vật bị suy giảm làm tăng nguy cơ, cường độ, tần suất, cấp độ lũ, sạt lở.

II. Hệ thống văn bản liên quan đến phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp

1. Hệ thống văn bản liên quan đến phòng, chống thiên tai

Trong giai đoạn 5 năm 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quyết định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phòng chống thiên tai đảm bảo theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống thiên tai đến các cấp, các ngành trong tỉnh, cụ thể như sau:

- Hàng năm Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy tỉnh phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; căn cứ Nghị định số 02/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Phòng thủ dân sự, Ủy ban nhân dân tỉnh đã Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh tại Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 16/7/2020.

- Ban hành Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 về quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh; hàng năm, giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ Phòng chống thiên tai cho các huyện, thành, thị và quyết định hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai cho các địa phương, đơn vị bị thiệt hại do thiên tai;

- Ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết đối với từng thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ.

- Ban hành các Kế hoạch: Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Kế hoạch triển khai Nghị định 160/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống thiên tai; Kế hoạch thực hiện Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính Phủ về phòng thủ dân sự;

Kế hoạch phòng, chống sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch khai thác công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý; Kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050; Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi; Kế hoạch Phòng chống hạn hán, thiếu nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô năm 2019 - 2020; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước; hàng năm, ban hành các Kế hoạch hưởng ứng tuần lễ Quốc gia về phòng, chống thiên tai từ ngày 15 đến 22/5.

- Ban hành các phương án: Bảo vệ công trình các hồ chứa nước lớn trên địa bàn tỉnh bao gồm hồ Lửa Việt (hồ Ao Châu), hồ Ngòi Vằn, huyện Hạ Hòa, hồ Phượng Mao, huyện Thanh Thủy số 859/QĐ-UBND, 858/QĐ-UBND, 857/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 và hồ ngòi Giành, huyện Yên Lập số 1753/QĐ-UBND ngày 19/7/2019; xây dựng phương án ứng phó với ngập lụt hạ du các hồ chứa theo các kịch bản ngập lụt.

- Hàng năm, ban hành nhiều chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo về công tác Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy tại Quyết định số 101/QĐ-BCH ngày 13/01/2021.

2. Hệ thống chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và quy chế phối hợp

- Hệ thống Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (gọi tắt là Ban Chỉ huy) được tổ chức xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp thành lập Ban chỉ huy của cơ quan, đơn vị mình.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ban Chỉ huy đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh. Trong đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban Chỉ huy phụ trách chung, trực tiếp chỉ huy công tác Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong tỉnh; một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Phó Trưởng ban thường trực giúp Trưởng ban giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh là Phó trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn thiên tai, tổ chức tìm kiếm cứu nạn người, cứu hộ công trình và các phương tiện gặp sự cố do thiên tai; Giám đốc Công an tỉnh là Phó Ban chỉ huy; một phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Ủy viên thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; các Ủy viên khác là Giám đốc, phó Giám đốc các sở, ngành và Chủ tịch các hội, đoàn thể cấp tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan thường trực về tìm kiếm cứu nạn của Ban Chỉ huy tỉnh; Văn phòng thường trực của Ban Chỉ huy tỉnh đặt tại Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trưởng ban Ban Chỉ huy đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ huy tại Quyết định số 101/QĐ-BCH ngày 13/01/2021, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên.

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

- Nguồn nhân lực phục vụ công tác phòng, chống thiên tai bao gồm Ban Chỉ huy các cấp. Các lực lượng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các lực lượng quân đội đóng trên địa bàn tỉnh là lực lượng chủ yếu trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; hàng năm, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệp đồng với các đơn vị quân đội, Quân khu 2 đóng quân trên địa bàn; các lực lượng cứu nạn, cứu hộ khác như Y tế, Đoàn thanh niên, lực lượng dân quân tự vệ... Một trong những lực lượng chính hiện nay, để thực hiện phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai là lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại các xã, phường, thị trấn; các lực lượng xung kích đã được thành lập và kiện toàn theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; kết quả tính đến hết năm 2020 đã có 225/225 xã, phường, thị trấn thuộc 13 huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh xây dựng và củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai với tổng số 17.978 người, trong đó bao gồm các lực lượng chính là dân quân tự vệ, thanh niên xung kích, lực lượng quản lý đô thị nhân dân...

Ngoài các lực lượng trên còn tổ chức các lực lượng ứng phó tự nguyện của cộng đồng để tham gia cứu hộ, cứu nạn; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội trong các hoạt động chuẩn bị ứng phó, khắc phục hậu quả; đặc biệt là ở các đơn vị như Hội phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên, Hội Chữ thập đỏ tỉnh với các tình nguyện viên tham gia các đội ứng phó thiên tai và lực lượng xung kích ứng phó thiên tai.

III. Đánh giá về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua

1. Thực trạng công tác dự báo, cảnh báo thiên tai

- Công tác dự báo, cảnh báo được Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy tỉnh tiếp nhận kịp thời các bản tin cảnh báo thiên tai, thời tiết của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc theo dõi tình hình khí tượng thủy văn trên phạm vi tỉnh, dự báo, cảnh báo kịp thời đầy đủ về diễn biến, cấp độ, phạm vi ảnh hưởng của thiên tai trên địa bàn tỉnh, bao gồm các bản tin như: tin cảnh báo, dự báo lũ trên các sông Thao, sông Lô, sông Đà và sông Bứa; bản tin giông, sét, mưa đá; bản tin mưa lớn diện rộng; bản tin nắng nóng; bản tin gió mùa đông bắc và không khí lạnh; bản tin bão, áp thấp nhiệt đới ... và cập nhật các bản tin về số liệu về mực nước, lượng mưa hàng ngày trong mùa mưa lũ.

- Công cụ truyền tin thông qua hệ thống truyền tải qua fax, email, zalo, điện thoại, nhắn tin SMS.... phát tin trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, các đơn vị thông tin, báo đài trong tỉnh, hệ thống truyền thanh các cấp.... đảm bảo các thông tin cảnh báo, dự báo kịp thời đến các địa phương và người dân để chủ động ứng phó, nhằm giảm thiểu thấp nhất thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

- Tuy nhiên, việc dự báo các hiện tượng thời tiết quy mô nhỏ như dông, lốc, sét còn hạn chế, do thời gian xuất hiện và kết thúc của các hiện tượng nói trên ngắn nên thông tin cảnh báo tới được cộng đồng đôi khi còn chậm, chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu ngày càng cao của cộng đồng.

2. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai

Công tác chuẩn bị phương tiện, vật tư, thiết bị tại chỗ luôn được các cấp, đơn vị và địa phương đảm bảo đầy đủ, sẵn sàng cung ứng và huy động khi cần thiết. Phương tiện, trang thiết bị vật tư phục vụ công tác phòng, tránh, ứng phó thiên tai hiện có chủ

yếu gồm xe cứu hộ, ca nô, xuồng, nhà bạt, phao tròn, phao áo, phao bè cứu sinh... do Ban Chỉ huy tỉnh, các sở, ban, ngành và cấp huyện quản lý.

Các loại vật tư, phương tiện chủ yếu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên toàn tỉnh hiện có: xe cứu hộ các loại 114 chiếc; tàu, thuyền cứu nạn các loại 263 chiếc; nhà bạt các loại 422 bộ; áo phao cứu sinh 5.230 cái; phao tròn cứu sinh 9.485 cái, cùng một số loại vật tư, phương tiện khác phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn. Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm kê đảm bảo đủ số lượng và chất lượng sẵn sàng đáp ứng yêu cầu trong công tác ứng phó sự cố thiên tai.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố yêu cầu các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn chuẩn bị sẵn một lượng hàng tiêu dùng thiết yếu để cung cấp khi cần thiết; vận động các hộ dân nơi thường bị cô lập do ngập lụt, dự trữ lương thực, thực phẩm đủ dùng trong 7 ngày; yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng sẵn sàng thiết bị, xe máy để hỗ trợ ứng phó trong thiên tai khi cần thiết.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

3. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan tìm kiếm cứu nạn với nhiệm vụ chính là tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy tỉnh các biện pháp để phòng, chống ứng cứu có hiệu quả các tình huống thiên tai, chủ động phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị quân đội của Bộ Quốc phòng, Quân khu 2 đứng chân trên địa bàn; chính quyền địa phương và các ngành có liên quan rà soát các phương án để chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện cho công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu kịp thời các tình huống khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai.

Nắm chắc tình hình diễn biến thời tiết, mực nước trên sông suối, tổ chức canh gác, cấm biển báo nguy hiểm và tuyên truyền cho nhân dân các biện pháp phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai khi có tình huống bão lũ xảy ra.

Phối hợp, hiệp đồng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác diễn tập ứng phó các tình huống thiên tai, chỉ đạo, huy động vật tư, phương tiện và lực lượng tham gia tìm kiếm cứu nạn. Tổ chức giúp đỡ nhân dân sơ tán ra khỏi vùng lũ lụt, lốc xoáy, vùng không an toàn đến nơi an toàn.

Tổ chức bảo đảm cứu chữa, cấp cứu người bị nạn, bảo đảm môi trường, vệ sinh phòng dịch, khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân khi có thiên tai xảy ra. Phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

4. Thông tin, truyền thông trong phòng, chống thiên tai

Thực hiện quan điểm và mục tiêu: “Phòng tránh là chính, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”. Hàng năm, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống thiên tai, phổ biến các kiến thức, kỹ năng phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai được triển khai bằng nhiều hình thức để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của chính quyền cơ sở, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên, tổ chức kinh tế và người dân về chủ động phòng ngừa, ứng phó với diễn biến thời tiết cực đoan, khắc phục hậu quả thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, cụ thể một số nội dung như sau:

- Triển khai tuyên truyền thực hiện tốt Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Thủy lợi; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý đê điều, công trình thủy lợi; rà soát, điều chỉnh, bổ

sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách phù hợp với các quy định của Trung ương và thực tế địa phương.

- Triển khai thực hiện các Kế hoạch phòng, chống thiên tai, Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương... và đặc biệt là Kế hoạch tuyên truyền thực hiện tuần lễ Quốc gia về phòng chống thiên tai hàng năm từ ngày 15 đến 22/5. Tổ chức triển khai tuyên truyền bằng nhiều hình thức như trên các phương tiện thông tin đại chúng, facebook, zalo, tuyên truyền bằng trực quan, trực tiếp tại các cơ quan, đơn vị và trong cộng đồng dân cư...

- Các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh cũng thường xuyên tuyên truyền, xây dựng các chuyên mục, chuyên đề, bài viết, đưa tin kịp thời các thông tin cảnh báo thời tiết, thiên tai, các văn bản chỉ đạo và công điện của Ban Chỉ huy tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các huyện, thành, thị, các sở, ngành như Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông... đã tổ chức phối hợp với các đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức nhiều lớp tập huấn về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, các biện pháp, phòng, tránh ứng phó với thiên tai, đồng thời lồng ghép vào nhiều chương trình, kế hoạch của đơn vị phổ biến các kỹ năng phòng chống, ứng phó với thiên tai cho các cán bộ cùng nhiều tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ, Tỉnh đoàn đã phát huy tốt các công tác phong trào để tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, các đoàn viên thanh niên, các hội viên phụ nữ, chữ thập đỏ... về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, các biện pháp phòng chống thiên tai; phối hợp với các cơ quan truyền thông giới thiệu, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, gương điển hình trong công tác này.

5. Năng lực, nhận thức của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai

Mức độ nhận thức của cộng đồng về lĩnh vực phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh nhìn chung còn hạn chế, mặc dù hàng năm công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, diễn tập về phòng, chống thiên tai luôn được triển khai, nhưng do số lớp và số lượng người dân tham gia tập huấn, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai chưa nhiều, số cuộc diễn tập về công tác phòng, chống thiên tai còn hạn chế; đồng thời, do đặc thù của tỉnh ít bị ảnh hưởng bởi loại thiên tai có cường độ mạnh và phạm vi lớn, nên một bộ phận người dân còn chủ quan trong việc phòng ngừa, ứng phó thiên tai.

6. Năng lực cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

Cơ sở hạ tầng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần phải được đầu tư, nâng cấp trong thời gian tới như:

- Hệ thống công trình đê điều: Trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được cứng hóa, đảm bảo công tác phòng, chống lũ và các loại hình thiên tai khác. Tuy nhiên, còn một số đoạn đê cao trình còn thấp so với mực nước lũ thiết kế, như đoạn k1+500 - k10+900 đê tả sông Thao, thuộc huyện Hạ Hòa, đoạn k520 - k69 đê hữu sông Thao, thuộc huyện Tam Nông; đoạn k10A-k8 đê tả Đà, huyện Thanh Sơn và Thanh Thủy; một số đoạn đê đã từng bị sự cố thấm lậu cần được theo dõi như k0-k1,5 đê tả ngòi Vắn, k0-k1,7 đê tả ngòi Giành, k3,2-k3,8, k7-k8 đê hữu ngòi Giành...

- Hệ thống hồ, đập thủy lợi: Bao gồm 1.341 hồ chứa, đập dâng lớn, nhỏ, trong đó có 420 hồ chứa. Phần lớn các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão; tuy nhiên, còn một số hồ bị hư hỏng, xuống cấp, cần quan tâm theo dõi, kiểm tra, sửa chữa, đề phòng sự cố khi xảy ra mưa lớn.

- Hệ thống trạm bơm: Toàn tỉnh hiện có 299 trạm bơm tưới và tưới tiêu kết hợp. Hiện tại, một số trạm bơm bị hư hỏng ống hút, nhà trạm xuống cấp, bộ bơm bị sạt lở và một số đoạn kênh dẫn bị hư hỏng..., nhưng mức độ hư hỏng của các trạm bơm là không lớn, không ảnh hưởng đến quá trình vận hành công trình trong mùa mưa lũ; tuy nhiên, để phục tốt công tác phòng chống thiên tai cần phải tăng cường kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên.

- Các tuyến đường giao thông kết hợp phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của tỉnh cơ bản đã được nâng cấp, tuy nhiên vẫn còn một số tuyến mặt đường nhỏ, hư hỏng, xuống cấp... ảnh hưởng đến việc lưu thông, an toàn của phương tiện. Trên một số sông, ngòi nhỏ chưa có cầu giao thông nên đã gây cản trở lớn cho công tác di dời nhân dân trong trường hợp cần phải di dời và cứu hộ cứu nạn khi có thiên tai, đặc biệt là ở những khu vực vùng núi đi lại khó khăn.

- Đối với các hệ thống hạ tầng cho công tác phòng, chống thiên tai khác như nhà tránh trú bão (các trụ sở cơ quan, trường học...); hệ thống điện, phát thanh, hệ thống thông tin cảnh báo, hệ thống cấp nước... cơ bản đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Một số hạng mục có thể bị gặp sự cố đột xuất trong một số trường hợp thiên tai cục bộ như đông, lở, mưa đá, sét; tuy nhiên, đã được khắc phục kịp thời.

- Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đặc biệt là ứng dụng khoa học công nghệ trong ứng phó với thiên tai ngày càng được quan tâm, đặc biệt là trong công tác dự báo, cảnh báo thiên tai. Hiện nay, một số công cụ, cơ sở dữ liệu chính tại Văn phòng thường trực đã được trang bị như: Ti vi có kết nối truyền hình cáp và internet, máy tính, máy fax, máy scan, máy chiếu, máy ảnh, máy định vị GPS, điện thoại cố định và kéo dài...; cùng hệ thống sổ sách ghi chép, bảng biểu liên quan như sổ giao ban ca trực, sổ nhận điện, sổ ban hành các lệnh báo động...; theo dõi mực nước, lượng mưa cũng được bổ sung; tuy nhiên một số công cụ phục vụ công tác thường trực phòng chống thiên tai tại các cấp còn thiếu như: hệ thống quản lý dữ liệu; trang thiết bị phục vụ họp trực tuyến, các ngòi, suối lớn chưa có hệ thống theo dõi mực nước, các trạm đo mưa chưa được trang bị đầy đủ tại các xã trên địa bàn tỉnh....

7. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 5 năm 2016-2020, các nội dung phòng chống thiên tai được lồng ghép vào các Quy hoạch, Kế hoạch ngành, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó tập trung vào các lĩnh vực có liên quan đến đảm bảo an toàn thoát lũ, an toàn đê điều, thủy lợi, các công trình phòng chống thiên tai, các lĩnh vực về môi trường, biến đổi khí hậu, các lĩnh vực bố trí, di dời đảm bảo ổn định đời sống nhân dân tại các vùng thiên tai..., cụ thể bao gồm các Quy hoạch, kế hoạch như: Quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, khu rừng đặc dụng; Quy hoạch bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch tài nguyên

nước tỉnh Phú Thọ; Kế hoạch phát triển thủy lợi tỉnh; Kế hoạch thực hiện nghị Quyết 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho tỉnh Phú Thọ...

Qua gần 5 năm thực hiện lồng ghép nội dung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh được chuyển biến tích cực, từ bị động ứng phó chuyển sang chủ động phòng ngừa, năng lực phòng chống thiên tai được nâng lên, giảm nhiều yếu tố rủi ro thiên tai đến cộng đồng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, việc cụ thể hóa từng nội dung theo Thông tư 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội vẫn chưa được rõ nét.

8. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai

Được sự quan tâm của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh nên công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai luôn được các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội ưu tiên hỗ trợ cho nhân dân trên địa bàn tỉnh bị thiệt hại do thiên tai để nhanh chóng khắc phục thiệt hại, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất, đồng thời khắc phục các cơ sở hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai. Tổng số kinh phí hỗ trợ từ năm 2016 đến hết năm 2020 là: 501.238 triệu đồng, trong đó: Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ 165.825 triệu đồng từ nguồn Quỹ phòng chống thiên tai và ngân sách tỉnh; hỗ trợ từ ngân sách Trung ương 325.200 triệu đồng, 50 tấn hạt giống lúa, 10 tấn hạt giống ngô; Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội chữ thập đỏ và các tổ chức xã hội hỗ trợ 10.213 triệu đồng.

9. Đánh giá về nguồn lực tài chính thực hiện công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương

Nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh rất khó khăn; bao gồm các nguồn hỗ trợ từ Trung ương, các tổ chức phi chính phủ, Ngân sách tỉnh và nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai.

Tỉnh Phú Thọ là địa phương không chịu tác động trực tiếp của các loại hình thiên tai lớn. Tuy nhiên, trước những tác động của biến đổi khí hậu và các loại hình thiên tai thời tiết ngày càng cực đoan; cần phải có sự huy động của các cấp, các ngành cùng sự chung tay của toàn thể cộng đồng trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai trong tình hình mới.

10. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai trên cơ sở phương châm “4 tại chỗ”

10.1. Về công tác chỉ huy tại chỗ: Ngay từ đầu năm, tất cả các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh đều kiện toàn Ban Chỉ huy; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách từng bộ phận, địa bàn. Khi có biến động về nhân sự, ngay lập tức có sự điều động bổ sung để đảm bảo luôn sẵn sàng trong công tác chỉ đạo, chỉ huy khi có thiên tai.

Trong công tác chỉ đạo, chỉ huy bước đầu phải đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương, sau đó tiến hành di dời, hạn chế

thấp nhất các thiệt hại về tài sản của nhà nước và nhân dân, thu dọn, giải tỏa các vị trí bị vùi lấp do sạt lở, xô lũ.... Khẩn trương rà soát, đánh giá, báo cáo thiệt hại để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

10.2. Về lực lượng tại chỗ: Khi thiên tai, bão lũ xảy ra thì việc sử dụng các lực lượng sẵn có tại địa bàn để ứng cứu, hỗ trợ là nhanh nhất, hiệu quả nhất; các lực lượng này thường trực tại chỗ trước, trong và sau thiên tai, trực tiếp nhận lệnh từ người chỉ huy (chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc thủ trưởng đơn vị). Các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện, xã theo sự phân công, chỉ đạo đã thành lập và duy trì các lực lượng hiện có tại ngành và địa phương, luôn sẵn sàng đầy đủ nhân lực ứng phó với mọi tình huống khi xảy ra thiên tai.

Khi thiên tai xảy ra lực lượng trực tiếp ứng phó giờ đầu là lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại chỗ với nòng cốt là dân quân tự vệ, thanh niên tình nguyện và các lực lượng khác của cấp xã, cấp huyện (nội dung chi tiết huy động, sử dụng lực lượng phòng chống thiên tai tại cấp huyện, cấp xã theo phương án ứng phó thiên tai cụ thể của cấp huyện, cấp xã). Tùy theo tình hình diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Ban Chỉ huy tỉnh quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương theo yêu cầu.

10.3. Về phương tiện, cơ sở vật chất tại chỗ: Cùng với nhân lực tại chỗ, công tác chuẩn bị phương tiện, vật tư, thiết bị tại chỗ luôn được các cấp, đơn vị và địa phương đảm bảo đầy đủ, sẵn sàng cung ứng và huy động khi cần thiết. Các địa phương cấp huyện chủ động huy động phương tiện, trang thiết bị của địa phương để tham gia ứng phó (bao gồm của cá nhân, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn), số lượng chủng loại từng loại trang thiết bị được thể hiện trong phương án ứng phó của địa phương; trường hợp khi xảy ra thiên tai, phương tiện, trang thiết bị không đáp ứng được thì báo cáo Ban Chỉ huy tỉnh huy động phương tiện, trang thiết bị của các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, địa bàn khác trong tỉnh chi viện ứng phó khắc phục ảnh hưởng của thiên tai. Số phương tiện, trang thiết bị có thể huy động trên địa bàn tỉnh được thể hiện trong Phụ lục II.

Công tác huy động vật tư, phương tiện, trang thiết bị hàng năm đều được các cấp, các ngành huy động tối đa, trong đó: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hàng năm đều xây dựng phương án huy động lực lượng, phương tiện, vật tư tìm kiếm cứu nạn theo từng tình huống giả định. Tổ chức hiệp đồng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn với các cơ quan đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn và các sở, ban, ngành của tỉnh; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn.

Cơ sở vật chất tại chỗ bao gồm các trạm y tế, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa khu, các trường học từ mẫu giáo đến cao đẳng, đại học trên địa bàn, các khu nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp sẵn sàng đảm bảo sơ tán, làm nơi trú ẩn khi có thiên tai; cùng với cơ sở hạ tầng các công trình giao thông, đường sắt, đường thủy, hệ thống thủy lợi, hệ thống thông tin, điện nước cơ bản đảm bảo.

10.4. Về hậu cần tại chỗ: Các cấp chính quyền và địa phương đã chủ động chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, thuốc men để phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, cứu đói khi có tình huống thiên tai xảy ra bao gồm các loại lương thực thiết yếu như lương khô, mỳ tôm, gạo, nước uống, cùng nhiều nhu yếu phẩm thiết yếu khác trên nguyên tắc chung là đảm bảo an toàn trước cho người bị thương hay nhóm người dễ bị tổn thương như người già, phụ nữ có thai và trẻ em; ngoài ra còn phải chuẩn bị đầy đủ

các hóa chất, trang thiết bị xử lý môi trường để phục vụ công tác xử lý môi trường khi có thiên tai. Đối với các hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai các cấp chính quyền đã có những biện pháp tuyên truyền, phổ biến đảm bảo các hộ gia đình phải chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thuốc men, nước sạch, chất đốt đủ dùng cho gia đình trong khoảng thời gian xảy ra thiên tai mà chưa có cứu trợ.

IV. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến hoạt động phát triển của các ngành, địa phương

1. Kịch bản BĐKH: Theo kịch bản về BĐKH, vào cuối thế kỷ 21:

- Nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng từ 1,7 - 2,4⁰C, ở phía Bắc tăng 1,9 - 2,4⁰C. Tổng lượng mưa năm tăng phổ biến từ 5 - 15% ở hầu hết Bắc Bộ; giá trị trung bình lượng mưa 1 ngày lớn nhất có xu thế tăng trên toàn lãnh thổ (10 - 70%) so với trung bình thời kỳ cơ sở.

- Số lượng bão mạnh đến rất mạnh có xu thế tăng; gió mùa mùa hè có xu thế bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn. Mưa trong thời kỳ hoạt động của gió mùa có xu hướng tăng. Số ngày rét đậm, rét hại ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ đều giảm. Số ngày nắng nóng trên 35⁰C có xu thế tăng trên phần lớn cả nước, lớn nhất là ở Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Hạn hán có thể trở nên khắc nghiệt hơn ở một số vùng do nhiệt độ tăng và khả năng giảm lượng mưa trong mùa khô.

2. Tác động của BĐKH đến các ngành, các địa phương

Biến đổi khí hậu đã và đang tác động tới nhiều mặt trong đời sống kinh tế - xã hội đối với tỉnh Phú Thọ nói riêng và cả nước nói chung; trong đó có nhiều ngành, nghề, lĩnh vực sẽ phải chịu tác động lớn của BĐKH như tài nguyên nước, lĩnh vực nông nghiệp, đa dạng sinh học rừng, tài nguyên đất, cơ sở hạ tầng, sức khỏe cộng đồng..., cụ thể như:

- Dưới tác động của BĐKH, khi nhiệt độ trung bình tăng, độ bất thường của thời tiết, khí hậu và thiên tai gia tăng sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tài nguyên nước ngọt ở các khía cạnh như: Nhu cầu nước sinh hoạt cho con người, nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, năng lượng, giao thông... đều tăng; thay đổi về mưa, sẽ dẫn tới những thay đổi về dòng chảy, cường độ lũ, tần suất và đặc điểm của hạn hán, lượng nước ngầm...

Trong khi đó các sông lớn chảy qua trên địa bàn tỉnh như sông Hồng, sông Đà, sông Lô đều là các sông liên tỉnh và còn bắt nguồn từ bên ngoài lãnh thổ. Việc sử dụng nước phía thượng nguồn, việc xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện trên thượng nguồn cũng sẽ là một khó khăn trong sử dụng nguồn nước và bảo vệ môi trường.

- Tác động của BĐKH làm nhiệt độ, tính biến động và dị thường của thời tiết khí hậu gia tăng sẽ ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng trọt, làm gia tăng dịch bệnh, dịch hại, giảm sút năng suất mùa màng.

- Trong những năm gần đây, rừng trên địa bàn tỉnh tuy có tăng lên về diện tích, nhưng tỷ lệ rừng nguyên sinh không tăng so với tổng diện tích rừng. Nhiệt độ trung bình tăng sẽ làm thay đổi vùng phân bố và cấu trúc quần xã sinh vật của nhiều hệ sinh thái; làm gia tăng khả năng cháy rừng, nhất là các khu rừng trên đất than bùn, vừa gây thiệt hại tài nguyên sinh vật, vừa tăng lượng phát thải khí nhà kính.

- Dưới tác động của BĐKH, cùng với sức ép dân số, đô thị hóa, công nghiệp hóa, diện tích đất nông nghiệp đang bị thu hẹp và bị chuyển đổi mục đích sử dụng; cùng với đó là hiện tượng xói mòn, rửa trôi, ô nhiễm hóa chất nông nghiệp ngày càng gia tăng sẽ làm mất dần phần đất màu mỡ nhất cho sản xuất nông nghiệp.

- BĐKH cũng sẽ tác động tới tính tiện nghi, tính hữu dụng, sức chịu tải, độ bền, độ an toàn của các công trình xây dựng mà trong thiết kế có thể chưa tính toán hết được các tác động.

- BĐKH còn có thể tác động tới sức khỏe cộng đồng do nhiều bệnh sẽ gia tăng dưới tác động của sự thay đổi nhiệt độ và hoàn cảnh, nhất là các bệnh truyền qua vật trung gian như sốt rét (do muỗi truyền), sốt xuất huyết (muỗi), viêm não (muỗi) qua môi trường nước (các bệnh đường ruột), và các bệnh khác (suy dinh dưỡng, bệnh về phổi...), đặc biệt là bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus corona (Covid-19) gây ra.

V. Đánh giá tổng quan về kết quả thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh

1. Kết quả triển khai các nhiệm vụ, dự án về phòng chống thiên tai

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn; các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị và các văn bản chỉ đạo về công tác phòng chống thiên tai; ban hành các chính sách, hướng dẫn, quy định phù hợp với từng thời điểm và theo các hướng dẫn của Trung ương.

- Công tác thông tin, truyền truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai, nâng cao nhận thức cho người dân được triển khai hiệu quả. Công tác tập huấn, diễn tập về phòng chống thiên tai được thực hiện theo đúng kế hoạch hàng năm; trong 5 năm vừa qua đã tổ chức được 02 đợt diễn tập cấp huyện (tại huyện Yên Lập, huyện Cẩm Khê); trung bình hàng năm có 12/13 huyện, thành, thị tổ chức diễn tập cấp xã.

- Hàng năm, Ban Chỉ huy các cấp điều kiện toàn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác phòng, chống thiên tai, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo. Đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ngày càng được chuyên môn hóa; trụ sở và trang thiết bị làm việc cho Văn phòng thường trực phòng, chống thiên tai ở các cấp tỉnh, huyện đang dần đầu tư, nâng cấp để đảm bảo công tác thường trực, ứng phó với thiên tai.

- Các tổ, đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã và ở các doanh nghiệp đã được thành lập; đặc biệt là lực lượng xung kích cấp xã với nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ, đã được thành lập, kiện toàn với 225/225 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Trong công tác ứng phó thiên tai, trước mùa mưa lũ Ban Chỉ huy tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình, chuẩn bị tốt công tác 4 tại chỗ. Căn cứ vào tình hình của thiên tai, các cơ quan thông tin, truyền thông có nhiệm vụ thông tin cho chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó. Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy các cấp tổ chức triển khai những phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế của địa phương.

- Trong công tác tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai: Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy các cấp đã tổ chức thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo đúng nhiệm vụ và trách nhiệm được phân công. Công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm cần thiết và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân được các cấp, các ngành triển khai kịp thời sau thiên tai. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ; hỗ trợ phục hồi sản xuất, thực hiện vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh. Đề xuất phương án khắc phục hậu quả, kế hoạch khôi phục cơ sở hạ tầng, sản xuất, sửa chữa nâng cấp công trình phòng chống thiên tai và ổn định đời sống nhân dân. Từ năm 2016 đến nay Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội đã hỗ trợ cho nhân dân và khắc phục các cơ sở hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai với tổng số tiền là 501.238 triệu đồng.

- Công tác thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai ngày càng được chú trọng đảm bảo từng khu dân cư, từng người dân được nhận thông tin, cảnh báo kịp thời khi có thiên tai để sẵn sàng, chủ động ứng phó với thiên tai. Từ năm 2016 đến nay đã phát hành 384 bản tin bão, áp thấp nhiệt đới; 342 bản tin gió mùa đông bắc, không khí lạnh, rét đậm, rét hại; 138 bản tin mưa dông, mưa lớn; 71 tin cảnh báo lũ; 337 bản tin dông, sét, lốc, mưa đá; 233 bản tin nắng nóng; 73 bản tin lũ quét, sạt lở đất và cập nhật bảng tin về số liệu về mực nước, lượng mưa hàng ngày trong mùa mưa lũ.

- Trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch phòng chống thiên tai: đã triển khai thực hiện Quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đề trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tổng thể bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025; Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 5 năm từ 2016-2020 từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Về Xây dựng kế hoạch và tổ chức thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai: giai đoạn 2016-2020 tổng số Quỹ phòng chống thiên tai thu được đạt trung bình 73% kế hoạch (Năm 2016 đạt 68,6%; năm 2017 đạt 65,6%; năm 2018 đạt 72,95%; năm 2019 đạt 86,3%; năm 2020 đạt 72,8%).

- Về việc quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2016-2020” theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số 4089/KH-UBND ngày 02/10/2015. Tuy nhiên, trong những năm gần đây ngân sách và các nguồn tài trợ của các tổ chức phi Chính phủ để triển khai thực hiện Đề án không có, mà chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động trong công tác phòng chống thiên tai nên kết quả chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

- Về việc đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai: Thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016-2020 đã có một số công trình, dự án hoàn thành; các công trình, dự án chưa hoàn thành tiếp tục được triển khai khi được bố trí vốn đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Đặc biệt là trong thời gian triển khai Kế hoạch, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh xảy ra phức tạp gây ra nhiều sự cố công trình trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và công tác triển khai khắc phục khẩn trương của các cấp, ngành, địa phương, vì vậy các sự cố khi được phát hiện đã xử lý kịp thời, đảm bảo ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong giai đoạn 2016-2020 ước đạt 2.359.723/3.615.037 triệu đồng, đạt 65,2% kế hoạch.

2. Đánh giá chung thuận lợi, khó khăn

Sau 5 năm triển khai Kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, với sự vào cuộc của tất cả các cấp, các ngành từ tỉnh đến địa phương, sự tham gia phối hợp có hiệu quả của các ban, ngành, đoàn thể cùng với địa phương và nhân dân trong tỉnh, nhiều công việc, nhiệm vụ đã hoàn thành và đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại khó khăn, hạn chế cụ thể như:

- Những yêu cầu và nhiệm vụ trong công tác phòng, chống thiên tai ngày càng nhiều; tuy nhiên, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai ở các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã vẫn còn thiếu, đa số làm kiêm nhiệm nên công tác tham mưu, đề xuất còn hạn chế.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của tỉnh còn thiếu đồng bộ; nhiều hồ đập xuống cấp chưa có kinh phí để cải tạo, sửa chữa; một số tuyến đê chưa đảm bảo cao trình chống lũ; một số vị trí sạt lở bờ, vỡ sông nguy hiểm chưa được xử lý triệt để; do vậy tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn mùa mưa lũ.

- Một số hình thái thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá xảy ra nhanh và trên phạm vi hẹp, nên công tác dự báo vẫn còn chậm, đôi khi không dự báo, cảnh báo được dẫn đến một số thiệt hại nhất định.

- Phú Thọ là tỉnh trung du, miền núi địa hình bị chia cắt bởi nhiều sông, suối; nhiều khu vực đồi núi, vùng sâu, vùng xa, dễ bị chia cắt khi có mưa lũ xảy ra gây khó khăn cho công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Tập quán và điều kiện sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thường chọn gần nguồn nước, canh tác ven sông suối, các sườn núi, sườn đồi, những khu vực này thường hay bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra như: lũ quét, sạt lở và ngập lụt.

PHẦN III

KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nâng cao năng lực, chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng phó kịp thời đối với các loại hình thiên tai giảm thiểu đến mức thấp nhất tổn thất về người, tài sản của nhà nước và nhân dân; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai.

- Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức cá nhân thuộc địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội trong việc chủ động phòng tránh, ứng phó, khắc phục khẩn trương có hiệu quả các tình huống thiên tai.

- Quán triệt thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).

- Nâng cao năng lực của các cấp, các ngành trong việc xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành để ứng phó thiên tai có hiệu quả; chủ động phương án, điều kiện phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương nhất là những vùng dễ bị tác động của thiên tai.

- Chủ động lồng ghép các nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn các biện pháp, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai, ảnh hưởng của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trên địa bàn tỉnh; nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng được các nguồn lực về tài chính; đảm bảo đáp ứng, vận hành tốt hệ thống phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đảm bảo nâng cao khả năng thích ứng của hệ thống hạ tầng, các công trình phòng chống thiên tai.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại

1. Giải pháp phi công trình

1.1. Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều; các văn bản hướng dẫn; tiếp tục triển khai thực hiện các Kế hoạch, nhiệm vụ đã được Chính phủ, Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành gồm: Kế hoạch số 3600/KH-UBND ngày 14/8/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Kế hoạch số 2885/KH-UBND ngày 03/7/2020 thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch số 5635/KH-UBND ngày 17/12/2020 phòng, chống sạt lở bờ, vỡ sông trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Kế hoạch số 5783/KH-UBND ngày 24/12/2020 về việc khai thác công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý; Kế hoạch số 2336/KH-UBND ngày 09/6/2021 thực hiện chiến lược Quốc gia phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Rà soát, nghiên cứu, xây dựng ban hành hướng dẫn thực hiện các Nghị định, Quyết định, Thông tư về sửa đổi Luật phòng chống thiên tai; Quỹ phòng chống thiên tai; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều; quy định về sử dụng vật tư, trang thiết bị, phương tiện phòng chống thiên tai....

- Nghiên cứu, xây dựng và xác định cấp độ rủi ro thiên tai cho các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành các chính sách cứu trợ, phục hồi sau thiên tai bao gồm các chính sách về hỗ trợ xây dựng nhà an toàn, chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất nông nghiệp, chính sách hỗ trợ di dân...

- Ban hành Quy định tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh (sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định chung).

- Ban hành đơn giá phục vụ công tác thống kê, tổng hợp thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để xác định giá trị thiệt hại.

- Ban hành Quy chế hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp huyện.

- Hàng năm ban hành văn bản chỉ đạo về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo về công tác chống thiên tai.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

1.2. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực

- Hàng năm Kiện toàn Ban Chỉ huy đồng thời là Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự ở các cấp, các ngành; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ huy. Nghiên cứu xây dựng cơ cấu, tổ chức của bộ máy và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Chính phủ.

- Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác phòng, chống thiên tai năm trước và triển khai nhiệm vụ phòng chống thiên tai năm kế tiếp của các cấp, các ngành, địa phương; làm rõ nguyên nhân những mặt còn hạn chế, yếu kém để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục; chú trọng nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy, thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó thiên tai ngay tại cơ sở nhất là các địa bàn xung yếu.

- Chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai các cấp. Rà soát, xây dựng, nâng cao năng lực đội ngũ lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai.

- Đầu tư trang thiết bị và công nghệ bảo đảm điều kiện làm việc cho Văn phòng thường trực phòng, chống thiên tai, trang thiết bị phòng họp trực tuyến, hệ thống thông tin liên lạc phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở các cấp và trang thiết bị cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn...

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban Chỉ huy tỉnh với các tổ chức chính trị, xã hội như Mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, Phụ nữ...

- Tổ chức thường trực, trực ban Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy các cấp, các ngành; Thời gian trực 24/24h từ ngày 05/5 đến ngày 30/11 hàng năm và các đợt thiên tai đột xuất ngoài thời gian trên.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

1.3. Lập và rà soát các kế hoạch, quy hoạch, phương án ứng phó thiên tai

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai chu kỳ 5 năm giai đoạn 2021-2025; hàng năm, rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, trong đó, cần lập kế hoạch quản lý, đầu tư trang bị bổ sung các phương tiện, trang thiết bị hiện đại, đủ công năng, công suất đáp ứng yêu cầu tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; Kế hoạch hiệp đồng ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hiệp đồng ứng phó sự cố cháy rừng, ứng phó sự cố cháy nổ, sập đổ công trình.

- Xây dựng, rà soát, điều chỉnh các phương án ứng phó phù hợp với từng loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai cụ thể của địa phương; các phương án phòng, chống thiên tai cho tất cả các công trình, khu vực xung yếu, đồng thời phải gắn với phương án sơ tán dân, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai.

Ban Chỉ huy tỉnh chỉ đạo các huyện, thành, thị hàng năm rà soát, xây dựng trình Ban Chỉ huy tỉnh phê duyệt các phương án trọng điểm về đê điều. Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xây dựng, phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi và sơ tán dân hạ du đối với các hồ chứa lớn.

- Rà soát, xây dựng các nội dung liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu và chủ động ứng phó với thiên tai như: Xác định cấp độ rủi ro thiên tai cho từng loại hình thiên tai; các bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai nhằm xác định các vị trí có rủi ro cao để đưa ra các biện pháp ứng phó phù hợp; phân vùng và lập bản đồ phân vùng nguy cơ ngập lụt, lũ quét dưới tác động của BĐKH trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống cảnh báo lũ quét; điều tra, đánh giá khoanh vùng các khu vực có nguy cơ sạt lở đất trong bối cảnh BĐKH...

- Xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông tại tỉnh Phú Thọ. Rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch đê điều, quy hoạch thủy lợi vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi quốc gia; các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bố trí dân cư, quy hoạch cơ sở hạ tầng một số ngành nằm trong khu vực ảnh hưởng của thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các Nghị định của Chính phủ; để giải quyết cấp bách và kịp thời các sự cố thiên tai, đồng thời thực hiện xã hội hóa, phát huy tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, phát huy tinh thần trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tiếp tục triển khai các kế hoạch, phương án, văn bản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước đây nhưng vẫn còn hiệu lực.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

1.4. Nâng cao chất lượng thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai

- Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn. Đầu tư lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai như: Lắp đặt bổ sung các trạm đo mực nước, camera quan sát mực nước trên các lưu vực sông, ngòi, hồ chứa trong tỉnh và phấn đấu trang bị mỗi xã, hồ chứa lớn có 01 điểm đo mưa tự động; lắp đặt thiết bị cảnh báo các khu vực bị ngập sâu: ngầm tràn, trũng thấp; sạt lở đất.

- Tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin dự báo với các đơn vị khác để phục vụ công tác điều hành, quản lý đặc biệt là hồ chứa, công tác phòng tránh, lũ quét, sạt lở đất...

- Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tăng cường các bản tin dự báo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phòng chống thiên tai; tiến tới cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo theo các ngành, nghề, khu vực trọng điểm.

- Tổ chức kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng định kỳ các công trình, trang thiết bị phục vụ công tác dự báo, cảnh báo, thông tin- truyền thông phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

- Tiếp tục triển khai nhắn tin zalo, SMS và các hình thức khác khi có thiên tai đến tất cả các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh và các đối tượng có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

1.5. Nâng cao nhận thức, kiến thức cho cộng đồng

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, cảnh báo thiên tai và đảm bảo thông tin chỉ đạo của các cấp chính quyền đến từng khu dân cư, thôn, bản và người dân, đặc biệt người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi để người dân sẵn sàng ứng phó các tình huống thiên tai bất thường, cực đoan.

- Tổ chức phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong cán bộ và nhân dân bằng nhiều hình thức như: Phát tin trên truyền hình, truyền thanh, báo chí, phát tờ rơi, biểu ngữ, tập huấn, diễn tập nhằm từng bước nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của nhân dân, các cấp, các ngành và cộng đồng trong công tác phòng, chống thiên tai và khả năng chuẩn bị, ứng phó, phục hồi của cộng đồng trước, trong và sau thiên tai.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng phòng chống thiên tai cho các đối tượng trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai. Nâng cao năng lực, kỹ năng phòng, chống thiên tai, sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và lực lượng tại địa phương; nâng cao khả năng ứng cứu tại chỗ cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng, đặc biệt là vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa.

- Diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã, trong đó cấp huyện tổ chức diễn tập theo kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp xã: hàng năm mỗi huyện, thành, thị tổ chức diễn tập tại 01 xã.

- Tổ chức lực lượng ứng phó tự nguyện của cộng đồng để tham gia cứu hộ, cứu nạn. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội trong các hoạt động chuẩn bị ứng phó, khắc phục hậu quả. Phát triển lực lượng tình nguyện viên trong công tác tuyên truyền, vận động, khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất...

- Rà soát, áp dụng các chính sách đầu tư, khuyến khích các hoạt động khoa học công nghệ và ứng dụng khoa học về phòng chống thiên tai; đầu tư cho nghiên cứu và thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực cho lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai; tình trạng xây dựng, san lấp mặt bằng trái phép gây tắc nghẽn dòng chảy sông suối, kênh mương...

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

1.6. Chương trình trồng và bảo vệ rừng

- Tập trung triển khai các chương trình, dự án trồng mới rừng tập trung, bao gồm các diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất; trong đó hàng năm trồng mới khoảng 50ha rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, 9.100ha/năm rừng sản xuất. Hàng năm, trồng mới khoảng 2,02 triệu cây rừng phân tán.

- Khoanh vùng, xác định các khu vực rừng hiện có cần bảo vệ và khai thác hợp lý; trong đó rừng tự nhiên cần phải bảo vệ, chăm sóc khoảng 37.000ha, rừng trồng mới cần chăm sóc 28.000ha.

- Lên phương án, chuẩn bị 4 tại chỗ phòng chống cháy rừng; phòng tránh thiệt hại giảm diện tích rừng do thiên tai.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

2. Giải pháp công trình

Cùng với các giải pháp phi công trình, thì các giải pháp công trình phải đảm bảo các dự án, các công trình được đề xuất phải mang tính hiệu quả, theo thứ tự ưu tiên, đã được đề xuất trong các kế hoạch, quy hoạch trước đó để đảm bảo tính khả thi; ngoài ra các công trình, dự án phải đảm bảo các yếu tố về an toàn công trình trước thiên tai, có mục tiêu về phòng chống thiên tai hoặc kết hợp phòng chống thiên tai rõ ràng, đồng thời đảm bảo không làm gia tăng hoặc trầm trọng hơn mức độ thiên tai. Các công trình, dự án đề xuất tập trung vào các nội dung chính sau:

2.1. Đầu tư, nâng cấp công trình đê điều

- Xây dựng, đầu tư, nâng cấp các công trình đê sông ở mức thiết kế phù hợp, kết hợp sử dụng đa mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có các tuyến đê chính như: đoạn K1,5-K11,9, K75-K80,1 đê tả Thao, đoạn K52-K62,6 đê hữu Thao, đoạn K0-K1,5 đê tả ngòi Vần, các tuyến đê tả, hữu ngòi Me, ngòi Giành, ngòi Vĩnh Mộ và tuyến đê bao Đông Nam Việt Trì. Nguồn kinh phí dự kiến: 2.170 tỷ đồng.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình kè theo Kế hoạch số 5635/KH-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, trong đó giai đoạn từ 2021-2025 tập trung vào các công trình, dự án trên các tuyến sông như: bờ, vớ sông đê hữu Thao thuộc các xã Hiền Lương, Xuân Áng, Minh Côi, Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, xã Tuy Lộc, thị trấn Cẩm Khê, xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, xã Bắc Sơn, Thanh Uyên, Vạn Xuân, huyện Tam Nông; bờ, vớ sông tả sông Thao thuộc các xã Đan Thượng, Lang Sơn, huyện Hạ Hòa, xã Mạn Lạn, Chí Tiên, Lương Lễ, huyện Thanh Ba, xã Phùng Nguyên, huyện Lâm Thao, phường Thọ Sơn, Bến Gót, thành phố Việt Trì; bờ, vớ sông đê hữu Lô thuộc các xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, xã Hạ Giáp, Tiên Du, Bình Phú, huyện Phù Ninh, xã Trung Vương, Sông Lô, thành phố Việt Trì; bờ, vớ sông đê hữu Chảy thuộc xã Phú Lâm, huyện Đoan Hùng... Nguồn kinh phí dự kiến: 1.405 tỷ đồng.

- Ngoài ra, hàng năm triển khai thực hiện các nhiệm vụ duy tu, bảo dưỡng, tu bổ cải tạo các tuyến đê trung ương và địa phương; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho xử lý khẩn cấp các sự cố về đê điều khi bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Nguồn kinh phí dự kiến: 235 tỷ đồng.

2.2. Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình trạm bơm tưới, trạm bơm tiêu, trạm bơm tưới tiêu kết hợp, tập trung chủ yếu trên địa bàn các địa phương như Việt Trì, Tam Nông, thị xã Phú Thọ, Đoan Hùng, Phù Ninh, Thanh Ba, Cẩm Khê. Nguồn kinh phí dự kiến: 829 tỷ đồng.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình hồ đập, hồ chứa thủy lợi đảm bảo cho nhu cầu tưới, tiêu, phát triển kinh tế - xã hội, tham gia cất lũ và phục vụ các công tác phòng, chống thiên tai, bao gồm 31 công trình hồ đập bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn các huyện: Thanh Sơn, Yên Lập, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Tân Sơn, Hạ Hòa, Tam Nông, Thanh Ba và hàng năm cải tạo, sửa chữa nâng cấp các hồ đập bị sự cố, xuống cấp trên địa bàn tỉnh. Nguồn kinh phí dự kiến: 3.412 tỷ đồng.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi khác bao gồm các dự án xây dựng mô hình tưới tiêu hiện đại, tiết kiệm nước; các dự án gia cố, nạo vét ngòi, kênh tiêu; các dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi các xã trên địa bàn huyện Cẩm Khê... Nguồn kinh phí dự kiến: 765 tỷ đồng.

2.3. Đầu tư, nâng cấp các công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai: Bao gồm chủ yếu là các khu tái định cư, các dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai cho các địa phương miền núi như Tân Sơn, Thanh Sơn và Yên Lập. Nguồn kinh phí dự kiến: 233 tỷ đồng.

2.4. Đầu tư nâng cấp các công trình giao thông kết hợp phòng, chống thiên tai: Bao gồm các cầu, cống tại những nơi dễ bị chia cắt, các đường giao thông, đường tránh lũ kết hợp sơ tán dân. Nguồn kinh phí dự kiến: 4.147 tỷ đồng.

2.5. Đầu tư nâng cấp các công trình hạ tầng, cấp thoát nước: Ưu tiên nâng cấp, xây mới các công trình cấp nước cho những vùng khó khăn về nguồn nước. Nguồn kinh phí dự kiến: 975 tỷ đồng.

2.6. Đầu tư, nâng cấp các công trình đo đạc, quan trắc, giám sát, cảnh báo sớm thiên tai: Hàng năm, rà soát, duy tu, sửa chữa, nâng cấp và đầu tư, nâng cao chất lượng dự báo, quan trắc cho các trạm, trung tâm khí tượng thủy văn trong khu vực tỉnh. Nguồn kinh phí dự kiến: 6,0 tỷ đồng.

Tổng số nguồn vốn dự kiến đầu tư cho các công trình, dự án phục vụ phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 là: 14.176 tỷ đồng.

(Chi tiết tại phụ lục IX kèm theo)

II. Các biện pháp ứng phó với thiên tai

1. Trách nhiệm ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai

Thực hiện theo quy định tại điều 7,8,9,10,11 Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, trong đó:

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai; có trách nhiệm báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Triển khai ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra tại 2 xã trở lên và với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai vượt cấp độ 1; báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương; Tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Ủy ban nhân dân tỉnh: Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra trên địa bàn từ 2 xã trở lên nêu có đề nghị; triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 2 trở lên; báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương phòng chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ khi vượt quá năng lực và huy động nguồn lực tại địa phương.

2. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai: Các cấp, các ngành, đơn vị xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 22 Luật phòng chống thiên tai và Sổ tay hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TWPCCTT ngày 18/02/2020.

3. Biện pháp phòng chống thiên tai cho một số loại hình thiên tai: Các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh bao gồm lũ, ngập lụt, bão, áp thấp nhiệt đới, sạt lở đất, lũ quét, nắng nóng, lốc sét, mưa đá, rét đậm, rét hại. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu chung sẽ bao gồm các biện pháp phi công trình và biện pháp công trình.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

III. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai

1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu bao gồm:

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn, y tế tổ chức cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm về tính mạng, tìm kiếm người, phương tiện bị mất tích, ưu tiên các đối tượng là người già, người tàn tật, phụ nữ và trẻ em; tổ chức hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm cần thiết và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân.

- Lập các trạm cấp cứu lưu động hoặc phối hợp với địa phương trưng dụng các cơ quan, trường học cơ sở y tế tại các khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận và sơ, cấp cứu người bị nạn.

- Xác định đối tượng, xây dựng biện pháp cứu trợ, hỗ trợ.

- Xây dựng các lán trại tạm thời cho người bị mất nhà cửa, tiến hành cấp phát lương thực, thực phẩm, nước uống cho người dân.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ gồm:

- Tổ chức thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ. Hỗ trợ phục hồi sản xuất, thực hiện vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh. Đề xuất phương án khắc phục hậu quả, kế hoạch khôi phục cơ sở hạ tầng, sản xuất, sửa chữa nâng cấp công trình phòng chống thiên tai và ổn định đời sống nhân dân.

- Đề xuất kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, giống cây trồng, vật nuôi để kịp thời ổn định đời sống người dân, khôi phục sản xuất.

- Vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Huy động lực lượng, đề xuất giải pháp khôi phục, sửa chữa, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, công trình công cộng.

3. Xây dựng tái thiết gồm:

- Hỗ trợ người dân bị thiệt hại về người, dân sinh, sản xuất theo quy định.

- Phân bổ kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và nguồn kinh phí dự phòng của địa phương để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại sau thiên tai theo thứ tự ưu tiên.

- Tổ chức rà soát lại cấp độ rủi ro của loại hình thiên tai vừa xảy ra so với kết quả đánh giá, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

- Tổ chức thực hiện các dự án, chương trình theo kế hoạch cập nhật mới.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chủ động khắc phục hậu quả thiên tai đối với cơ sở hạ tầng, tài sản thuộc phạm vi quản lý; tham gia hỗ trợ hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền.

- Khuyến khích các tổ chức cá nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước có các hình thức hỗ trợ đa dạng, hiệu quả cho người dân và địa phương bị thiên tai.

C. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ HÀNG NĂM, 05 NĂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

I. Nguồn lực thực hiện Kế hoạch

1. Giải pháp về nguồn vốn

- Ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai bao gồm ngân sách nhà nước theo dự toán chi hằng năm và dự phòng ngân sách nhà nước được sử dụng cho xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai; đầu tư, xây dựng, tu bổ, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai; hoạt động phòng, chống thiên tai; hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai các cấp; trong đó có:

+ Ngân sách trung ương, vốn vay ODA đầu tư các dự án phòng, chống giảm nhẹ thiên tai: đầu tư các dự án tiêu úng, tiêu thoát lũ, đê điều, xây dựng, nâng cấp hồ chứa, giao thông, xử lý sạt lở, kè, dự án di dân vùng thiên tai có quy mô và kinh phí đầu tư lớn (đối với tỉnh không cân đối được ngân sách địa phương);

+ Ngân sách địa phương: Đầu tư nâng cấp hệ thống đê kết hợp giao thông nông thôn, xử lý sạt lở, kè, dự án di dân vùng thiên tai, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra;

+ Ngân sách dự phòng của địa phương: Xử lý các yêu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phục vụ cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong trường hợp cần thiết, cấp bách;

+ Quỹ dự trữ tài chính: Do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định để thực hiện vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai với mức độ nghiêm trọng.

- Nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai được thực hiện thu, nộp hàng năm theo Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và giao cho các huyện, thành, thị tổ chức thực hiện.

- Các nguồn đóng góp tự nguyện, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình, dự trữ vật tư nguyên liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu cho hoạt động theo phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn vốn thực hiện đầu tư phát triển cho các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện từng năm phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Sở Tài chính cân đối các nguồn vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ kế hoạch vốn thực hiện phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm.

II. Tiến độ thực hiện Kế hoạch

- Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập dự toán chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

- Tổng kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 là: 14.381 tỷ đồng, trong đó:

+ Giải pháp phi công trình: 205,4 tỷ đồng;

+ Giải pháp công trình: 14.176 tỷ đồng.

- Căn cứ vào danh mục các nhiệm vụ, các công trình, dự án, nguồn lực bố trí thực hiện; các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện đảm bảo Kế hoạch đề ra, trong đó tập trung ngay thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2021 sau khi Kế hoạch đã được phê duyệt. Hàng năm, rà soát, cập nhật, bổ sung vào Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh; đảm bảo phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai

1. Ban Chỉ huy tỉnh

Ban Chỉ huy cấp tỉnh là đầu mối và là cơ quan điều phối tất cả các hoạt động trong cả 3 giai đoạn phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Ban Chỉ huy tỉnh có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện, giám sát, đánh giá và điều chỉnh hàng năm kế hoạch phòng, chống thiên tai; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc đưa nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực về phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy tỉnh)

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 5 năm. Hàng năm, tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch phòng, chống thiên tai, để đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra của kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất nguồn lực thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức lập kế hoạch sản xuất nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu của từng địa phương để hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra và bảo đảm phát triển bền vững; quản lý việc đầu tư xây dựng, tu bổ, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai nằm trong Kế hoạch thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu, hướng dẫn, phổ biến các giải pháp, mô hình công trình và phi công trình đảm bảo hiệu quả với chi phí phù hợp để phòng, chống lũ, bão, lũ quét, sạt lở đất...

- Tổng hợp, báo cáo, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch theo hàng năm và tổng kết 5 năm.

- Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp huyện.

3. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Cơ quan thường trực về tìm kiếm cứu nạn Ban Chỉ huy tỉnh)

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phương án và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành liên quan hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hướng dẫn kỹ năng ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai.

- Hàng năm, thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị; rà soát lại các phương án để chuẩn bị sẵn sàng phương tiện và lực lượng cho công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu, xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp về thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng để phát huy sức mạnh tổng hợp, chủ động phòng chống, ứng phó kịp thời với mọi tình huống thiên tai xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá nội dung lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các ngành, các cấp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan thẩm định nội dung lồng ghép phòng chống thiên tai vào quy hoạch tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của tỉnh theo quy định.

- Tổng hợp danh mục, nhu cầu đầu tư, xác định nguồn vốn, bố trí vốn hàng năm để thực hiện kế hoạch.

5. Sở Tài chính

- Tổng hợp, thẩm định nhu cầu, đề xuất bố trí kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách và việc huy động các nguồn lực tài chính để phục vụ công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn vốn, kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; vốn hỗ trợ đột xuất khắc phục hậu quả thiên tai.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương về quản lý, sử dụng ngân sách và bảo đảm ngân sách cho thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai hàng năm.

6. Công an tỉnh

- Xây dựng và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động, phương án tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông và tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả khi thiên tai xảy ra.

- Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, công an các huyện, thành, thị phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, tài nguyên, môi trường, khai thác cát, sỏi lòng sông và lấp bến bãi tập kết trái phép, lấn chiếm lòng sông, bãi sông.

7. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, phương án huy động đảm bảo lực lượng, phương tiện, vật tư của ngành tham gia công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; bảo đảm an toàn giao thông khi thiên tai xảy ra.

- Chỉ đạo thực hiện phát triển giao thông vận tải phù hợp với chiến lược phát triển giao thông theo quy hoạch được phê duyệt và kế hoạch phòng, chống thiên tai, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các đơn vị quản lý, các phương tiện vận tải, khai thác cảng, bến thủy, luồng tàu, phương tiện vận tải đường thủy nội địa, nhất là trong mùa mưa bão và an toàn đối với phương tiện chở khách ngang sông.

8. Sở Xây dựng

- Chỉ đạo thực hiện các phương án, biện pháp ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình xây dựng nói chung, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp nhẹ, công trình hạ tầng kỹ thuật nói riêng. Triển khai hướng dẫn chi tiết phân loại nhà an toàn với ngập úng, sạt lở đất, lũ ống, lũ quét, phù hợp với đặc thù và tập quán địa phương; hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn của công trình phù hợp với thiên tai.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương kiểm tra các nhà, xưởng, công trình, các công trường đang thi công không bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình cột thu phát sóng dạng tháp, trụ đảm bảo an toàn, hạn chế các sự cố có thể xảy ra.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo về công tác khí tượng thủy văn, cảnh báo thiên tai, xác định, đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai; chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường vùng thiên tai và kiểm tra việc thực hiện các quy định về cảnh báo, dự báo thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp các kịch bản, bản tin dự báo, phân vùng rủi ro thiên tai, tổ chức quan trắc dự báo, cảnh báo sớm và các nhiệm vụ theo quy định của ngành mình. Triển khai các chương trình, dự án nâng cao nhận thức, năng lực thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, trên địa bàn tỉnh đặc biệt là việc quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông tại những khu vực có nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai.

10. Sở Công Thương

- Chủ trì công tác dự trữ cấp tỉnh về lương thực, thực phẩm, vật tư, nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân vùng thiên tai; để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống, hỗ trợ cứu tế cho nhân dân, xử lý vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh và an toàn cộng đồng trong vùng xảy ra thiên tai. Chỉ đạo công tác bình ổn giá cả thị trường khi có thiên tai; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ.

- Chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn các khu vực khai thác khoáng sản, an toàn về điện, đường dây tải điện và các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

11. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chỉ đạo công tác cứu trợ xã hội trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa; tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện chế độ, chính sách xã hội đối với các đối tượng chính sách bị thiệt hại do thiên tai.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan trong việc tiếp nhận hàng cứu trợ.

12. Sở Y tế

- Chỉ đạo công tác về y tế, cấp cứu người bị nạn, tiêu độc, khử trùng nguồn nước, phòng chống dịch bệnh, môi trường và khắc phục hậu quả thiên tai; tổ chức lực lượng, phương tiện, thiết bị y tế, chuẩn bị đầy đủ thuốc chữa bệnh, hóa chất xử lý môi trường, tiêu độc, khử trùng, phòng dịch theo cơ sở quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn cho cán bộ y tế và cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường sau thiên tai; tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng sơ cứu cho lực lượng tại chỗ làm công tác cứu hộ, cứu nạn nhằm thực hiện có hiệu quả phương châm “4 tại chỗ”.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo đảm bảo an toàn cho học sinh, sinh viên và giáo viên khi có thiên tai, thảm họa xảy ra. Lập quy hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương để bảo đảm an toàn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan trực thuộc ngành, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai các quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, lồng ghép kiến thức phòng chống thiên tai vào nội dung phổ biến giáo dục cho cán bộ, học sinh, sinh viên trên địa bàn.

14. Sở Thông tin và Truyền thông

- Đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống thiên tai xảy ra; chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thông tin, tuyên truyền, thông báo chính xác, kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai, thảm họa, các chủ trương, mệnh lệnh, chỉ thị, văn bản chỉ đạo về phòng, chống, khắc phục thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu nạn...

- Chỉ đạo các doanh nghiệp Bru chính, Viễn thông huy động lực lượng, phương tiện và trang thiết bị của ngành tham gia bảo đảm an toàn, an ninh mạng, thông tin liên lạc phục vụ ứng phó thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống.

- Phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy tỉnh, các doanh nghiệp viễn thông triển khai, tiếp tục tổ chức thực hiện nhấn tin cảnh báo thiên tai qua điện thoại di động cho nhân dân biết và chủ động tránh trú an toàn.

15. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ, các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh

- Chủ động thông tin, tuyên truyền trên sóng phát thanh, truyền hình về tình hình thời tiết, thiên tai, các chủ trương, chỉ thị, văn bản chỉ đạo về phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa của Trung ương và của tỉnh; đảm bảo kịp thời và theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng về những kiến thức cơ bản phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trên sóng truyền hình để các ngành, các cấp, các địa phương và nhân dân biết chủ động phòng, tránh.

16. Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc: Đảm bảo công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, thời tiết, khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định; phối hợp chặt chẽ với Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia, các đơn vị quản lý hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận để cung cấp kịp thời, chính xác các bản tin cảnh báo, dự báo về thiên tai, số liệu về thời tiết, khí hậu, thủy văn, phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy.

17. Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ

- Tổ chức quản lý, vận hành các công trình thủy lợi, hồ chứa nước theo đúng quy trình; tăng cường kiểm tra để kịp thời xử lý sự cố, sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn các công trình và dân cư vùng hạ lưu.

- Chủ động cấp nước, tiêu úng kịp thời phục vụ sản xuất và khắc phục ảnh hưởng của mưa lũ trong phạm vi công trình Công ty được giao quản lý.

18. Các sở, ban, ngành khác: Trên cơ sở thẩm quyền và nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt; chủ động khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thời gian qua, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, triển khai các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó hiệu quả các tình huống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

19. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai, các văn bản hướng dẫn thực hiện và kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh. Xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp xã thực hiện xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai, các phương án ứng phó phù hợp với các loại hình thiên tai tại địa phương; thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn quản lý; chuẩn bị lực lượng, phương tiện vật tư, trang thiết bị sẵn sàng để ứng cứu kịp thời khi thiên tai xảy ra nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất.

- Rà soát, hoàn thiện và chủ động bố trí nguồn lực thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai của địa phương, phương án ứng phó thiên tai tương ứng từng loại hình thiên tai nhất là lũ lớn, bão mạnh, siêu bão, sạt lở đất, lũ quét đảm bảo sát thực tế. Rà soát, chủ động di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng thiên tai, đặc biệt tại khu vực nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét.

- Thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai. Hằng năm, chỉ đạo tổ chức tập huấn, diễn tập phòng, chống thiên tai để nâng cao năng lực trong công tác phòng ngừa, ứng phó thiên tai.

- Triển khai thực hiện tốt kế hoạch thu quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm; đảm bảo việc sử dụng quỹ phòng, chống thiên tai trong công tác hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai được kịp thời, hiệu quả và đúng quy định.

- Chủ động huy động nguồn lực và lồng ghép các hoạt động phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức đoàn thể, cá nhân có liên quan: Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội đóng trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao kiến thức, hiểu biết và kinh nghiệm trong phòng ngừa, ứng phó thiên tai; tổ chức các đội thanh niên tình nguyện, xung kích, vận động đoàn viên, hội viên tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ, đóng góp tự nguyện để hỗ trợ nhân dân bị thiệt hại do thiên tai.

II. Công tác giám sát, chế độ báo cáo

1. Công tác giám sát.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã phân công cán bộ chuyên trách giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm để làm căn cứ điều chỉnh Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh.

- Trên cơ sở thông tin thu thập được từ báo cáo đánh giá của các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương, Ban Chỉ huy tỉnh sẽ rà soát nội dung, tiến độ của kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025, tiến hành điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Báo cáo đột xuất

Các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản cần báo cáo đột xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy tỉnh để kịp thời xử lý. Trong báo cáo đột xuất nêu tóm tắt sự việc, những khó khăn trở ngại cần giải quyết.

3. Báo cáo định kỳ

- Báo cáo 6 tháng đầu năm: Các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch của đơn vị, địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy tỉnh trước ngày 30/6 hàng năm. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được trong quá trình triển khai, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết.

- Báo cáo năm: Các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai của đơn vị, địa phương mình về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy tỉnh trước ngày 31/12 hàng năm. Trong báo cáo năm nêu rõ tình hình thiên tai ở ngành, địa phương, ảnh hưởng của thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành, địa phương; công tác triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết.

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan Thường trực Phòng chống thiên tai Ban Chỉ huy tỉnh tổng hợp, báo cáo tiến độ, phân tích các tồn tại, hạn chế, tham mưu đề xuất bổ sung, điều chỉnh thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh hàng năm.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực về phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy tỉnh): Tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm tổ chức rà soát, cập nhật bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- UBQG UPSCTT và TKCN (b/c);
- Bộ NN và PTNT (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Tổng cục PCTT;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Các TV BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KT5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải